

CÔNG TY CỔ PHẦN AKQ HOLDINGS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AKQ HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AKQ HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AKQ HOLDINGS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110212078

3. Ngày thành lập: 21/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 217A phố Quan Hoa, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917883069

Fax:

Email: akqholdings@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết - Bán buôn đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình - Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, Chỉ khâu....; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Mua bán, lắp ráp, cho thuê, dịch vụ bảo hành, sửa chữa: thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, máy vi tính, máy in vi tính, máy chiếu, máy scanner, máy phóng, máy photocopy, máy huỷ giấy, máy chấm công, máy đánh chữ, máy tính, máy đếm tiền, máy tạo mẫu trên sản phẩm nhựa, máy fax, điện thoại, tổng đài điện thoại, máy bộ đàm, máy chụp hình, máy quay phim; hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn pin năng lượng mặt trời	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn cao su; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; - Đại lý mua bán, phân phối các sản phẩm dầu thô, xăng dầu, khí đốt, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu; Sản xuất, chế biến các sản phẩm xăng dầu, khí đốt; Pha chế dầu nhờn, các sản phẩm hóa dầu, gas; Chiết nạp gas; Tái chế phế phẩm từ xăng dầu; Mua bán các thiết bị kho chứa, đo, đếm, thiết bị theo dõi, điều khiển, bơm, rót xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và phụ tùng; Bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị kho chứa, đo, đếm, thiết bị theo dõi, điều khiển, bơm, rót xăng dầu, sản phẩm hóa dầu và các phụ tùng phụ trợ.	4669
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112

19.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
20.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
21.	Trồng cây hàng năm khác	0119
22.	Trồng cây ăn quả	0121
23.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
24.	Trồng cây cà phê	0126
25.	Trồng cây chè	0127
26.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
28.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
29.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
30.	Chăn nuôi gia cầm	0146
31.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
32.	Khai thác gỗ	0220
33.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
34.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
36.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
37.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
38.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
39.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
40.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; - Hoạt động tư vấn đầu tư; - Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp. (không bao gồm các hoạt động liên quan đến giao dịch tài chính, tín dụng)	6619(Chính)
41.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
42.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Cho thuê xe có động cơ	7710
46.	Bán buôn tổng hợp	4690

47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
49.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
50.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
51.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
52.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
53.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
54.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
57.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
64.	Bốc xếp hàng hóa	5224
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
69.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
71.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ việc làm; - Tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động; - Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động (Không bao gồm trung tâm giới thiệu việc làm) (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	7810
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Điều hành tua du lịch	7912

74.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
75.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
76.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
77.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
78.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
79.	Sản xuất điện	3511
80.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
81.	Xây dựng nhà để ở	4101
82.	Xây dựng nhà không để ở	4102
83.	Xây dựng công trình điện	4221
84.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
85.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
86.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
90.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
91.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
92.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
93.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 60.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG HỮU ĐỨC	Thôn Tiên Hợp 2, Thị trấn Bắc Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800	180.000.000	3,000	0202020025 69	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.800	180.000.000	3,000		
2	LƯƠNG THỊ HƯỜNG	P3306-S2 chung cư Season Avenue, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.800	1.980.000.000	33,000	0151860001 60	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	19.800	1.980.000.000	33,000		

3	THANG QUANG THẮNG	Thôn Phú Cường, Xã Xuân Long, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.800	480.000.000	8,000	015095007416
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.800	480.000.000	8,000	
4	NGUYỄN HUY HOÀNG	Thôn Phúc Hòa, Xã Hán Đà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600	360.000.000	6,000	015094004113
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.600	360.000.000	6,000	
5	BÙI ĐĂNG QUANG	P3306-S2 chung cư Season Avenue, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	3.000.000.000	50,000	033080001044
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	3.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯƠNG THỊ HƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/06/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015183000130

Ngày cấp: 02/12/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Phòng 205 nhà G1 tập thể Học viện Ngân Hàng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P3306-S2 chung cư Season Avenue, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội